TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 30/8/2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trọng Vũ

2. Ông Trần Công Sơn

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Tuyết –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu*: Ông Huỳnh Văn Dương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 31/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **Trịnh Văn T** – sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố Dân P, phường Xuân A, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Tấn Q** – sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố Long Hải B, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Anh Q có mặt.

* *Bị đơn:* Vợ chồng anh **Nguyễn Văn V** - sinh năm 1974 và chị **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn Vịnh H, xã Xuân G, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày ngày 12 tháng 02 năm 2019, các lời khai có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Trịnh Văn T trình bày:*

Ngày 15/10/2018 âm lịch, vợ chồng chị L, anh V có trực tiếp đến nhà của anh T mượn số tiền 167.000.000đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) để mua tôm giống và cá mồi cho tôm ăn và hẹn 02 tháng sau sẽ T toán. Chị L có viết giấy mượn tiền giao cho anh T giữ. Khi đến hạn trả nợ cho anh T, nhưng vợ chồng anh V, chị L không thực hiện, cố tình trốn tránh. Vì vậy, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa căn cứ giấy mượn tiền do chị L viết mà anh đã nộp tại Tòa, buộc vợ chồng anh V, chị L trả số tiền 167.000.000đ cho anh T, anh T không yêu cầu vợ chồng anh V, chị L trả lãi suất đối thời gian chậm trả từ khi vay mượn cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q giữ nguyên quan điểm của anh T đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của anh T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt là BLDS năm 2015); chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn T. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L phải trả nợ gốc là 167.000.000đ cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn anh Trịnh Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị L trả số tiền đã mượn là 167.000.0000đ, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 15/10/2018 anh T cho vợ chồng anh V, chị L mượn số tiền 167.000.000đ hẹn 02 tháng sẽ trả nhưng đến hạn không trả nên ngày 18/02/2019 ông T có đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015. Nguyên, bị đơn đều cư trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 3 Điều 26, và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS năm 2015).

Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa đến lần thứ hai, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu nguyên đơn anh Trịnh Văn T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q thấy rằng: Ngày 15/10/2018 (âm lịch), anh T có cho vợ chồng anh V, chị L mượn số tiền 167.000.000đ, mục đích để mua tôm hùm giống và cá mồi cho tôm ăn với thời gian 02 tháng sẽ trả lại, không xác định lãi suất. Mặc dù giấy mượn tiền do một mình chị L viết, nhưng mục đích mượn để mua tôm giống và mua cá mồi cho tôm ăn là sử dụng chung của vợ chồng anh V, chị L trong thời gian này, nên được xác định là nợ chung của vợ chồng anh V, chị L.

Vợ chồng anh V, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy vợ chồng bị đơn anh V, chị L cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền của chị L viết vào ngày 15/10/2018 (âm lịch) mà anh T làm căn cứ. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L trả cho anhTrịnh Văn T số tiền 167.000.000đ là đúng quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Về lãi suất nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu vợ chồng anh V, chị L phải trả tiền lãi từ khi mượn cho đến khi xét xử, nên không xét.

[3] Về án phí: Anh Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 167.000.000đồng x 5% = 8.350.000đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 463, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trịnh Văn T và đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L phải T toán cho anh Trịnh Văn T số tiền là 167.000.000đ *(Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng)*.

Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 8.350.000đồng *(Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Trịnh Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.175.000 đồng *(Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2015/0006774 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trịnh Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Quáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Án văn (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**